

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **93/2018/HNGĐ-ST**
Ngày: 27-11-2018
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T – TỈNH Đ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Đăng Tổ**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Công Gia** và bà **Hoàng Thị Bích Ngọc**

Thư ký phiên tòa: Bà **Lý Thị Chuyên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Đ tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Hữu Huỳnh** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 367/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2018, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2018/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Mai Thị H**, sinh năm: 1986; Địa chỉ: Số nhà 694/6, Tổ 13, Ấp 5, xã Đ, huyện T, Đ.

Bị đơn: Anh **Trần Quốc Tài**, sinh năm 1980; Địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: Số nhà 20/15, Tổ 3, Ấp 4, xã Đ, huyện T, Đ.

(Chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh Tài vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/8/2018, lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử nguyên đơn chị Mai Thị H trình bày, tranh luận:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Tài tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân năm 2012, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 20, quyển số 01/2012.

Đời sống hôn nhân của vợ chồng chị đầm ấm, hạnh phúc, vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì. Nhưng do kinh tế gia đình khó khăn nên anh Tài rời địa phương đi làm ăn xa nhà từ tháng 8/2015. Thời gian đầu anh Tài vẫn thường xuyên liên lạc bằng điện thoại để hỏi thăm gia đình, nhưng bắt đầu từ tháng cuối năm 2015

anh Tài đã chủ động cắt đứt mọi liên lạc với chị và gia đình, chị H đã cố gắng tìm kiếm thông tin địa chỉ của anh Tài nhưng vẫn không biết được anh Tài làm gì, ở đâu. Sau khi chị H yêu cầu Tòa án thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú và đề nghị tuyên bố mất tích đối với anh Trần Quốc Tài, nội dung thông báo được đăng trên các phương tiện thông tin đại chúng. Nhưng quá thời hạn 04 tháng kể từ ngày đăng, phát thông báo lần đầu tiên (ngày 08/3/2018), chị H không nhận được bất cứ thông tin gì của anh Tài, không biết hiện nay anh Tài còn sống hay đã chết. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện T đã chấp nhận yêu cầu của chị về việc tuyên bố anh Tài mất tích theo Quyết định giải quyết việc dân sự số 08/2018/QĐST-VDS ngày 25/7/2018. Nay để ổn định cuộc sống riêng, chị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Quốc Tài.

Về con chung: Theo chị H, vợ chồng có 01 (một) con chung là Trần Mai Ngọc Hân, sinh ngày 18/3/2015. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Tài cấp dưỡng nuôi con, công việc của chị hiện nay là giáo viên thu nhập ổn định nên đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung phát triển về mọi mặt.

Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết; về nợ chung: Chị H khai vợ chồng không nợ cá nhân, cơ quan, tổ chức nào.

Bị đơn anh Trần Quốc Tài mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng trong quá trình chuẩn bị xét xử không có ý kiến, đồng thời vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

Để chứng minh cho yêu cầu, ý kiến của mình, nguyên đơn đã nộp kèm theo đơn khởi kiện những tài liệu chứng cứ sau: Giấy chứng minh nhân dân (bản sao); sổ hộ khẩu của gia đình (bản sao); giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); giấy khai sinh của con chung (bản sao); Quyết định giải quyết việc dân sự số 08/2018/QĐST-VDS, ngày 25/7/2018 (bản chính); lời khai của nguyên đơn tại bản tự khai. Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp Tòa án đã tiến hành sao gửi hợp lệ cho bị đơn.

Để giải quyết vụ án, theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án đã tiến hành thu thập những tài liệu, chứng cứ sau: Các biên bản xác minh về mâu thuẫn vợ chồng.

Tại Biên bản xác minh ngày 07/9/2018, ông Hoàng Đức Ngạn, là hàng xóm của anh Tài, chị H cung cấp như sau: Chị H, anh Tài là vợ chồng, quá trình sống chung có xảy ra mâu thuẫn nhưng không rõ nguyên nhân, từ cuối năm 2015 anh Tài đi đâu không rõ, từ đó cho đến nay ông không thấy anh Tài trở về thăm gia đình, ông không rõ hiện nay anh Tài ở đâu. Chị H và anh Tài có một người con, hiện nay đang do chị H nuôi dưỡng.

Tại Biên bản xác minh ngày 09/7/2018, đối với ông Nguyễn Ngọc Sơn, là Trưởng Ấp 4, xã Đ cung cấp như sau: Vợ chồng anh Tài, chị H có đăng ký hộ khẩu tại địa phương, quá trình sống chung không thấy có mâu thuẫn gì, đến khoảng cuối năm 2015, anh Tài rời khỏi địa phương, từ đó đến nay không thấy về thăm gia đình, khi anh Tài đi không khai báo với chính quyền địa phương nên ông không biết được địa chỉ hiện nay anh Tài ở đâu.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận cho chị H ly hôn với anh Tài; về con chung: Đề nghị giao cháu Trần Mai Ngọc Hân, sinh ngày 18/3/2015 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Tài do chị H không yêu cầu; về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung: Chị H khai không có, nên không xem xét; đối với anh Tài nếu có yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Mai Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Quốc Tài, tranh chấp về nuôi con chung là Trần Mai Ngọc Hân, sinh ngày 18/3/2015. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết trong vụ án này được xác định là: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Trần Quốc Tài có nơi cư trú cuối cùng tại xã Đ, huyện T, tỉnh Đ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn chị Mai Thị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh Trần Quốc Tài là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị H và anh Tài được xác lập trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T vào ngày 09/4/2012, được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định, vào sổ cấp giấy số 20, quyển số 01/2012 (bút lục số 08), do đó đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật ghi nhận và bảo vệ.

[4] Đời sống hôn nhân của vợ chồng chị H, anh Tài đầm ấm, hạnh phúc không có mâu thuẫn gì. Tuy nhiên, vì điều kiện kinh tế gia đình khó khăn nên từ tháng 8/2015, anh Tài rời địa phương đi làm ăn, theo chị H thời gian đầu anh Tài vẫn thường xuyên liên lạc bằng điện thoại về hỏi thăm gia đình, nhưng từ tháng 11/2015 cho đến nay, anh Tài chủ động ngắt liên lạc với chị và gia đình anh Tài, chị và gia đình đã tìm đủ mọi biện pháp để liên lạc, tìm kiếm thông tin địa chỉ của anh Tài nhưng vẫn không có tin tức gì. Chị H đã yêu cầu Tòa án thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú và yêu cầu tuyên bố mất tích đối với anh Tài, nội dung thông báo đều được đăng trên các phương tiện thông tin đại chúng, nhưng kể từ khi bị Tòa án nhân dân huyện T tuyên bố mất tích cho đến nay chị H không nhận được

tin tức gì của anh Tài. Lời khai của nguyên đơn phù hợp với các biên bản xác minh và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[5] Có đủ cơ sở xác định, vợ chồng chị H, anh Tài không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; yêu cầu ly hôn của chị H thuộc trường hợp ly hôn với người mất tích. Vì vậy, Căn cứ khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 2 Điều 68 của Bộ luật dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh Tài.

[6] Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H và anh Tài có 01 (một) con chung là Trần Mai Ngọc Hân, sinh ngày 18/3/2015. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, từ khi anh Tài mất tích đến nay, cháu Hân do chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chị H có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên cần tiếp tục giao con chung cho chị H nuôi dưỡng theo như yêu cầu của chị là phù hợp. Tạm thời miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Tài do chị H không có yêu cầu.

[7] Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Chị H khai không có, nên không xem xét; đối với anh Tài không có lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử và vắng mặt tại phiên tòa, nên nếu có yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[8] Về án phí: Chị H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, do đó chị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

[9] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 56; các điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân Gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị H về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” đối với anh Trần Quốc Tài.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Mai Thị H và anh Trần Quốc Tài.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao con chung Trần Mai Ngọc Hân, sinh ngày 18/3/2018 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Tài do chị H không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, pháp luật vẫn bảo hộ mọi quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung (quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở, quyền yêu cầu cấp dưỡng, yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung...).

3. Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: chị H khai không có, nên không xem xét, giải quyết. Dành quyền khởi kiện về chia tài sản chung, nợ chung của vợ chồng bằng vụ án khác cho anh Tài nếu anh Tài có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Mai Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị H đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 007372 ngày 24/8/2018 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện T, tỉnh Đ. Chị H đã nộp đủ án phí.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

5. Về quyền kháng cáo: Chị H, anh Tài có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- Chi cục THA huyện T;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Đ (để ghi vào sổ hộ tịch ĐK số 20 ngày 09/4/2012);
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Đăng Tố